

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 8716/BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 16 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 15/10/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		399	Giảm (31,9%)	58.142
Đang điều trị (12.910)	Tầng 3	09	Giảm(43,8%)	136
	Tầng 2	316	Tăng (3,9%)	4.558
	Tầng 1	309	Tăng (94,3%)	3.939
	Khác			4.277
Khỏi bệnh*		1.078	Giảm (5,4%)	44.720
Tử vong*		0	Giảm (100%)	512

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	18.959	Tăng (41,7%)	3.320.383
Dương tính	1.954 (399 ca mới, 1.555 theo dõi điều trị)	Tăng (20,5%)	138.846
Âm tính	16.858	Tăng (44,7%)	3.159.306

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	68	6.832	28.965	35.797
Cách ly tại nhà	313	18.505	57.243	75.748
Theo dõi sức khỏe	165	9.459	22.042	31.501

Trong ngày: 17 F1 (cộng dồn 24.135), 02 F2 (cộng dồn 32.754)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.742 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 39 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.703 trường hợp

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 56 ca, lũy kế 2.383 ca F0/137.357 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T.

- DN có F0 trong ngày: 03 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 87/1.190 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Cty TNHH Dịch vụ sản xuất Thiết bị Aureole - KCN Biên Hòa II: 27 ca F0. Cty thực hiện 3T từ ngày 17/7/2021, Cty thực hiện test định kỳ đầy đủ, ngày 10/10/2021 test nhanh phát hiện có 01 Bảo vệ nghi dương tính, sau đó cho test toàn bộ Cty đến ngày 15/10/2021 có kết quả PCR 27 F0. Cty nghỉ lây từ Cty Nestle, do 02 Cty giáp ranh.

+ Công ty TNHH Center Power Tech - KCN Nhơn Trạch II: 12 ca F0 chuyển từ F1.

+ Cty TNHH Chin Well Fasteners (VN) - KCN Nhơn Trạch III: 17 ca F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.780/2.383 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 74,7%

- Đang điều trị: 604 ca, chiếm 25,3%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

- Trong ngày, 1.078 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; không ghi nhận ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 106 ca là phụ nữ đang mang thai, 2.313 ca dưới 18 tuổi, 544 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 35 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

+ 33 ca thở máy xâm lấn

+ 02 ECMO

- 287 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);

- 2.412 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 6,168 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trông 7.209 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trông 4.114 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trông 267 giường)
(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- 399 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 05 ca sàng lọc trong cộng đồng, 77 ca trong khu phong tỏa và 317 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 05 ca trong cộng đồng tại Cẩm Mỹ (02), Long Thành (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01). Cụ thể:

- 01 ca ngụ tại ấp 10 xã Xuân Tây, Cẩm Mỹ. Ngày 8/10/2021 đi chính ngửa Covid-19 tại trường tiểu học Trung Dũng (xã Xuân Tây) - nơi có cô giáo hỗ trợ tiêm ngửa, phát hiện dương tính với SARS-CoV-2 ngày 14/10/2021. Ngày 14/10/2021 thấy mệt mỏi trong người ra phòng khám Tâm Y test nhanh dương tính.
- 01 ca ngụ tại ấp 5 xã Xuân Tây, Cẩm Mỹ. Tiền sử đi sinh tại BV Từ Dũ Từ 29/9 đến 1/10 về nhà phường 16, quận 8, Tp.HCM. Ngày 12/10/2021 đi xe ô tô về ấp 5, xã Xuân Tây. Ngày 13/10/2021 biểu hiện đau họng test nhanh tại TYT Xuân Tây dương tính.
- 01 ca ngụ tại ấp 4, xã Long An, Long Thành. Liên quan đến ổ dịch cộng đồng tại địa phương, đã kiểm soát nguồn lây.
- 01 ca ngụ tại ấp Phú Lâm 1, xã Phú Sơn, Tân Phú. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc tại cơ sở y tế. Nguồn lây liên quan đến nhà trọ công nhân huyện Trảng Bom.
- 01 ca ngụ tại ấp Đức Long 3, xã Gia Tân 2, Thống Nhất. Phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc tại cơ sở y tế. Đang điều tra dịch tễ.

+ 77 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Long Bình (09), Quang Vinh (09), Tam Hiệp (09), Trảng Dài (08) – Biên Hòa; Hiệp Phước (10)- Nhơn Trạch .

- Hiện còn 49 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR tại Trảng Bom (41), Vĩnh Cửu (08); 147 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Biên Hòa 42 (37 trường hợp test nhanh dương tính), Trảng Bom 12, Cẩm Mỹ 02 trường hợp test nhanh dương tính.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: trong ngày không ghi nhận tàu nhập cảnh

- Cộng dồn: 1.172 tàu, 21.890 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngửa COVID-19:

Đã xây dựng kế hoạch và triển khai 14 đợt tiêm chủng, hiện đang thực hiện tiêm Đợt 10, 12, 13, 14

- **Tổng số tiêm trong ngày: 45.046 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 4.594 người; Mũi 2: 40.452 người.

- Số liều vắc xin còn lại: 714.474 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **3.207.329 liều** vắc xin COVID-19 cho **2.455.598 người** (chiếm tỉ lệ **108,99%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **751.731 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **33,36%**).

(Tỉ lệ bao phủ được tính dựa trên số liệu dân số do Công an tỉnh cung cấp)

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" tương ứng với cấp độ dịch tại các địa phương theo kết quả đánh giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;

- UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19;

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 05 ca trong cộng đồng rải rác tại Cẩm Mỹ (02), Long Thành (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01).

- 77 ca trong khu phong tỏa nhiều nhất tại phường Long Bình (09), Quang Vinh (09), Tam Hiệp (09), Trảng Dài (08) – Biên Hòa; Hiệp Phước (10)- Nhơn Trạch.

- Tỉ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 108,99%, mũi 2 là 33,36%. (Tỉ lệ trên 100% do bao gồm các trường hợp ngoại

tỉnh hiện đang sinh sống, làm việc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tiêm vắc xin tại tỉnh)

IV. Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và từng bước phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

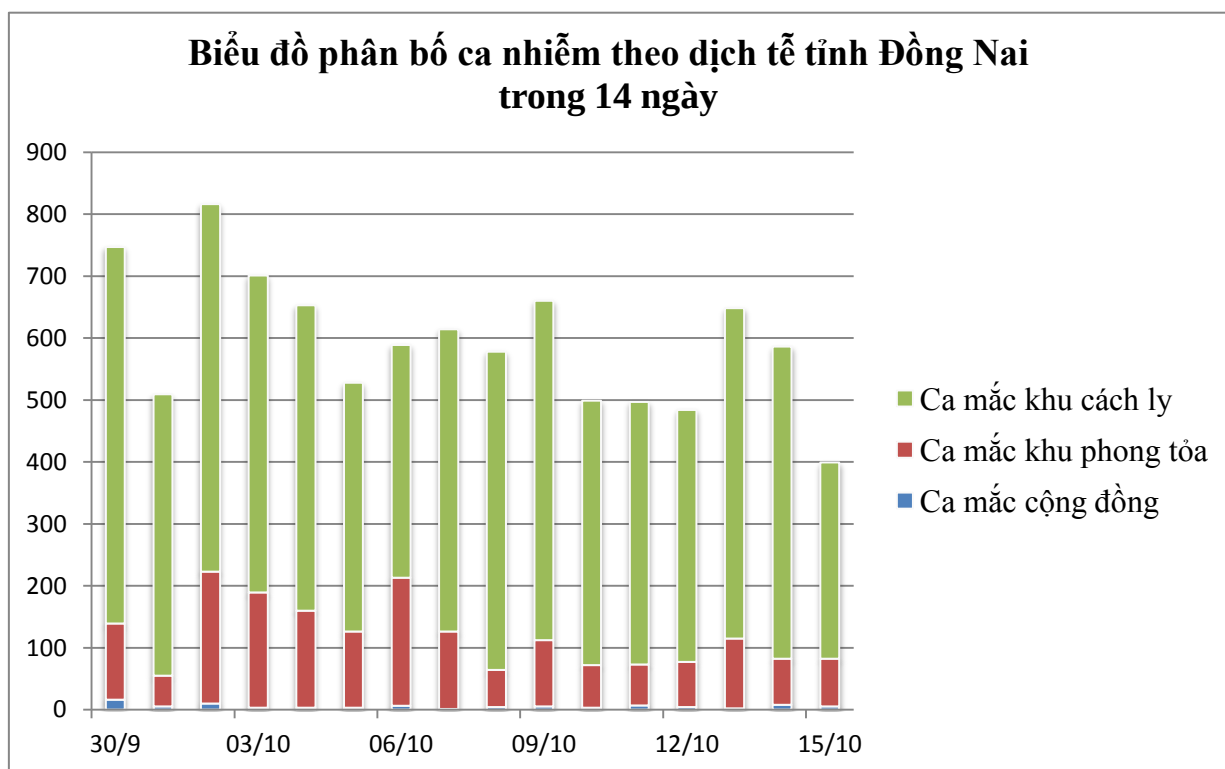
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Địa phương	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/ giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
Cấp 2: Nguyện cơ							
1	Biên Hòa	226	-22,3%	0	179	47	25.202
2	Vĩnh Cửu	7	-68,2%	0	5	2	10.117
3	Trảng Bom	53	-32,9%	0	46	7	5.135
Cấp 1: Bình thường mới							
4	Nhơn Trạch	81	-48,7%	0	71	10	14.151
5	Long Thành	11	-45,0%	1	9	1	1.140
6	Thống Nhất	1	-50,0%	1	0	0	581
7	Long Khánh	4	100,0%	0	4	0	371
8	Xuân Lộc	0		0	0	0	322
9	Định Quán	2	-60,0%	0	2	0	300
10	Cẩm Mỹ	2	-60,0%	2	0	0	280
11	Tân Phú	6	200,0%	1	1	4	150
12	Ngoại tỉnh, khác	6		0	0	6	361
Tổng cộng		399	-31,9%	5	317	77	58.110



Phụ lục 2: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Thực nhận	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.271	254	8.152	8	29.980	29.980	118,50%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	21.000	118,66%
Đợt 4	344.741	298.413	46.328	1.901	8	312.430	312.430	110,34%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	158.100	158.100	109,46%
Đợt 6	280.749	277.115	3.634	9	0	265.210	265.210	105,86%
Đợt 7	681.944	680.648	1.296	6.781	0	687.458	687.458	99,20%
Đợt 8	324.797	306.865	17.932	428	0	297.404	297.404	109,21%
Đợt 9	413.139	10.118	403.021	230	0	422.346	422.346	97,82%
Đợt 10	124.899	22.469	102.430	96	0	170.760	170.760	73,14%
Đợt 11	231.935	231.783	152	526	0	207.340	202.340	111,86%
Đợt 12	428.285	410.359	17.926	963	1	500.000	499.200	85,66%
Đợt 13	84.800	7.407	77.393	3	1	299.450	299.450	28,32%
Đợt 14	33.271	9	33.262	0	0	100.000	100.000	33,27%
Đợt 15						340.400	340.400	0,00%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	4.900	100,00%
Tổng cộng	3.207.329	2.455.598	751.731	30.232	26	3.834.228	3.828.428	83,65%

Phụ lục 3: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	0	0	0	0	30		158	0	4		18	8	0	0	0	0			10
2	BVTN/TTHSTC	400	200	7	1	2	2	76	198	228	63	15	5	17	18			3	3	52	24	126
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	0	0	0	0	15	56	38	37	2	0	0	13	0	0	0	1	5	2	25
4	BVĐKKVLT	100	100	2	0	0	0	12	70	35	0	0	0	0	12	0	0	0	0	10	2	88
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
9	BV Đồng Nai 2	10	3	0	0	0	0	3	128	0	330	0	0	0	3	3	0	0	0	0	3	7
Tổng cộng (tầng 3)		730	404	9	1	2	2	136	453	460	430	21	5	35	54	3	0	3	4	67	31	267
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	5	14	0	0	115	24	2	1421	2	0	0	1	53	61	3	23	88	1	170
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	41	7	0	0	270	96	0	1490	0	0	0	2	85	170	8	75	156	17	50
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	2	59	1	0	419	79	0	2387	0	0	0	18	12	389	14	126	407	108	81
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	6	0	0	0	203	67	0	1880	0	0	0	0	25	178	0	70	199	0	142
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	0	193	43	0	1249	0	0	0	4	92	101	2	51	167	26	7
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	15	69	1	0	412	111	0	5054	0	0	0	3	100	309	7	106	374	11	598
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	63	79	1	0	624	145	1	3856	0	0	0	12	286	326	12	181		42	76
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	61	83	1	0	562	44	0	1953	0	0	0	18	169	375	5	143	407	12	73
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	47	0	0	0	540	24	0	2003	0	0	0	4	279	257	5	127	477	2	122
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	54	40	1	0	575	82	0	40	0	0	0	24	238	337	4	168	386	21	
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	0	0	207	11	0	320	0	0	0	2	34	170	3	59	144	1	100

12	Bệnh viện Đa liễu	150	150	0	2	0	0	42	23	0	641	0	0	0	1	20	22	0	2	36	0	90
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	7	5	0	0	49	120	14	306	0	0	0	25	30	12	2	1	10	18	25
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	3	1	7	0	62				1				38	23		36	25	1	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	1	0	0	16	0	0	185	0	0	0	1	12	3	0	2	14	0	134
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	3	0	1	0	7	8	0	22	1	0	0	3	7	0	0	0	0	3	23
17	Bệnh viện Phổi	60	11	0	1	0	0	1		5		0	0	0	0	0	1	0	0	0		
18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	89	3	3	0	0	89	128	0	330	0	0	0	3	30	56	3	9	63	14	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	4	0	1	0	110	145	0	149	0	0	0	0	23	87	0	0	30	6	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	2	5	0	0	43	27	1	176	0	0	0	0	25	18	0	12	39	2	22
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	0	0	1	0	15	19	0	51	0	0	0	5	15	0	0	0	9	6	2
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200					4			312					4	0					
23	Bệnh viện dã chiến CA tỉnh																					
Tổng cộng (tầng 2)		10527	9181	316	369	15	0	4558	1196	23	23825	4	0	0	126	1577	2895	68	1191	3031	291	1715
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	4459	3221	62	129	7	0	1677	1649	12	7718	0	0	0	11	356	1518	8	504	1160	188	1302
2	Long Khánh	400	310	3	0	0	0	31	41	0	92	0	0	0	0	10	21	0	4	31	0	
3	Vĩnh Cửu	3143	3113	13	43	0	0	287	1441	3	6587	0	0	0	0	41	246	2	65	216	6	2602
4	Định Quán	100	89	1	0	5	0	29	51	0	80	0	0	0	0	22	7	1	5	24	0	59
5	Tân Phú	60	60	0	3	0	0	28	61	0	14	0	0	0	0	0	28	0	2	26	0	32
6	Trảng Bom	1328	955	49	68	44	0	376	1520	2	3659	0	0	0	0	15	361	5	128	239	4	835
7	Thống Nhất	130	140	0	2	1	0	1	104	0	17	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	140
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	2	1	0	0	79	7	0	39	0	0	0	1	38	40	2	19	57	0	121
10	Long Thành	250	250	15	4	1	0	99	41	0	877	0	0	0	0	0	99	2	22	72	3	151
11	Nhơn Trạch	3230	2810	164	24	1	0	1332	0	15	4243	0	0	0	30	350	952	15	369	942	21	1478
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13600	11148	309	274	59	0	3939	4915	32	23326	0	0	0	42	832	3273	35	1118	2768	222	7209
TỔNG TẦNG (3+2+1)		24857	20733	634	644	76	2	8633	6564	515	47581	25	5	35	222	2412	6168	106	2313	5866	544	9191